

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	3,10	4,30	3,90	
2	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	7,00	2,90	4,10	
3	Hán Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	5,00	2,50	3,30	
4	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994	8,50	1,90	3,90	
5	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	5,60	,00	1,70	
6	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	5,00	,00	1,50	
7	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,50	3,90	4,70	
8	Nguyễn Văn	Công	3671040051	08/01/1994	5,50	1,60	2,80	
9	Phạm Trung	Hà	3671040080	04/09/1994	5,10	2,30	3,10	
10	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	4,50	,00	1,40	
11	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	4,50	,00	1,40	
12	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	4,20	,00	1,30	
13	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	8,30	3,30	4,80	
14	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	4,50	2,70	3,20	
15	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	7,80	3,50	4,80	
16	Nguyễn Hữu	Thường	3671040140	21/06/1993	5,00	3,20	3,70	
17	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	6,40	,00	1,90	
18	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994	8,40	5,10	6,10	
19	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	6,50	,00	2,00	
20	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	8,00	,00	2,40	
21	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	6,90	3,10	4,20	
22	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	3,80	,00	1,10	
23	Hoàng Xuân	Nam	3671040213	28/10/1994	5,90	3,70	4,40	
24	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	6,40	2,20	3,50	
25	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	6,70	4,80	5,40	
26	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	2,80	,00	,80	
27	Nguyễn Hữu	Hiền	3671040230	01/06/1994	6,80	4,00	4,80	
28	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	4,20	2,20	2,80	
29	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	
30	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994	8,50	4,00	5,40	
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	,00	4,80	3,40	
32	Biện Hữu	Kha	3671040320	20/05/1994	7,90	5,20	6,00	
33	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993	6,30	2,30	3,50	
34	Đồng Quang	Ly	3671040344	28/10/1992	4,20	,00	1,30	
35	Huỳnh Ngọc	Tân	3671040354	26/04/1994	5,00	,00	1,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Phát Tài		3671040366	04/07/1994	7,40	,00	2,20	
37	Lê Quang Đông		3671040388	02/01/1994	4,80	4,30	4,50	
38	Phạm Quốc Đạt		3671040419	27/05/1994	8,20	4,80	5,80	
39	Võ Minh Cương		3671040422	08/07/1994	4,00	,00	1,20	
40	Nguyễn Văn Điền		3671040428	25/03/1993	5,70	3,00	3,80	
41	Nguyễn Việt An		3671040452	30/05/1993	6,30	,00	1,90	
42	Hoàng Văn Trinh		3671040455	22/02/1993	8,20	2,00	3,90	
43	Nguyễn Đức Mạnh		3671040465	15/04/1992	4,20	4,10	4,10	
44	Nguyễn Tấn Đạt		3671040471	03/08/1993	5,70	,00	1,70	
45	Nguyễn Văn Mạnh		3671040484	06/09/1994	3,20	,00	1,00	
46	Lương Hoàng Phước Trăn		3671040499	19/01/1993	5,30	1,50	2,60	
47	Trần Đình Hiếu		3671040501	15/07/1994	4,70	4,70	4,70	
48	Huỳnh Tấn Phát		3671040505	04/09/1994	7,50	4,20	5,20	
49	Phan Tuấn Anh		3671040509	19/11/1994	5,20	,00	1,60	
50	Vũ Hải Đăng		3671040512	19/08/1994	6,50	3,90	4,70	
51	Trần Kim Hồ		3671040522	20/11/1993	7,00	4,80	5,50	
52	Nguyễn Quốc Cường		3671040526	12/05/1994	6,20	1,70	3,10	
53	Nguyễn Hữu Tùng		3671040528	10/12/1993	5,30	3,20	3,80	
54	Trần Thiên Hoàng		3671040531	02/02/1994	4,50	3,40	3,70	
55	Nguyễn Hoàng Châu		3671040546	12/06/1994	5,80	2,50	3,50	
56	Phan Hiền Nhân		3671040568	02/02/1994	4,10	4,00	4,00	
57	Phạm Minh Hồng Đại		3671040574	05/09/1994	7,20	2,30	3,80	
58	Nguyễn An		3671040575	24/06/1993	5,90	,00	1,80	
59	Nguyễn Văn Nam		3671040580	15/03/1993	6,90	4,10	4,90	
60	Nguyễn Trần Đông Triệu		3671040615	01/01/1994	3,80	2,90	3,20	
61	Lê Thanh Duy		3671040637	19/10/1994	6,20	4,70	5,20	
62	Trần Tấn Vũ		3671040647	18/08/1994	5,40	4,60	4,80	
63	Bùi Văn Nhân		3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
64	Bá Anh Tuấn Kiệt		3671041493	04/10/1991	6,30	1,80	3,20	
65	Nguyễn Nguyên Vũ		3671041645	10/05/1994	1,70	,00	,50	
66	Nguyễn Ngọc Sang		3671041646	02/01/1993	7,20	4,50	5,30	
67	Âu Tấn Lực		3671041954	26/10/1994	3,20	,00	1,00	
68	Nguyễn Vương Triều		3671041965	20/09/1994	7,60	,00	2,30	
69	Nguyễn Hữu Cơ		3671041981	20/04/1994	5,30	3,00	3,70	
70	Nguyễn Hồ Hải Triều		3671041982	27/06/1993	,00	,00	,00	
71	Lê Minh Thành		3671041986	20/05/1994	3,50	2,40	2,70	
72	Lưu Công Nghĩa		3671041989	09/01/1994	6,60	6,00	6,20	
73	Nguyễn Thọ Hoan		3671042003	20/12/1994	5,70	,00	1,70	
74	Bùi Đình Thiện		3671042010	09/09/1989	,00	,00	,00	
75	Huỳnh Tấn Lâm		3671042021	02/10/1994	2,00	,00	,60	

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	
77	Nguyễn Hồng	Son	3671042032	16/10/1992	,00	,00	,00	
78	Trần Việt	Nhân	3671042051	21/06/1994	1,80	,00	,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)